

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 73-CP ngày 30-7-1994 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nước ngoài và cơ quan Đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nước ngoài và cơ quan Đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam ngày 23 tháng 8 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 1.- Phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh, trụ sở cơ quan Đại diện ngoại giao, trụ sở cơ quan Lãnh sự nước ngoài và nhà ở của viên chức ngoại giao không được sử dụng làm nơi tụ nã chính trị.

Điều 2.-

1. Cơ quan Đại diện ngoại giao và cơ quan Lãnh sự nước ngoài chỉ được phép lắp đặt và sử dụng thiết bị viễn thông, mạng viễn thông chuyên dụng, đài thu phát vô tuyến điện sau khi được Tổng cục Bưu điện Việt Nam cấp giấy phép. Trường hợp nhập khẩu các thiết bị thông tin nói

trên để lắp đặt tại Việt Nam phải có giấy phép của Tổng cục Bưu điện và Bộ Thương mại.

2. Tổng cục Bưu điện Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thông tin, và Bộ Nội vụ quy định chi tiết việc thực hiện Khoản 1 Điều này.

Điều 3.- Trong trường hợp có lý do chính đáng để mở túi Lãnh sự nói tại Khoản 4 Điều 25 của Pháp lệnh thì việc đó phải được tiến hành với sự có mặt của người đại diện cơ quan Lãnh sự nước ngoài. Nếu người đại diện cơ quan Lãnh sự nước ngoài từ chối mở thì túi Lãnh sự bị trả về nơi xuất phát.

Điều 4.- Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, quy định chi tiết về chủng loại, số lượng các đồ vật được nhập khẩu, và miễn thuế nhập khẩu cũng như việc tái xuất và chuyển nhượng các đồ vật đó tại Việt Nam nói tại các Điều 6, 14, 15, 16, 17, 22, 26, 31 và 38 của Pháp lệnh cho tất cả các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ nêu trong Pháp lệnh.

Điều 5.-

1. Cơ quan Đại diện ngoại giao nước ngoài có nghĩa vụ thông báo cho Bộ Ngoại giao Việt Nam họ, tên, chức vụ của những viên chức cơ quan Đại diện ngoại giao được giao thực hiện chức năng Lãnh sự.

2. Phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Pháp lệnh, nước cử có thể ủy nhiệm cho một viên chức Lãnh sự chuyên nghiệp của cơ quan Lãnh sự của nước này tại Việt Nam tiến hành một số hoạt động ngoại giao sau khi được Bộ Ngoại giao Việt Nam đồng ý.

Điều 6.-

1. Bộ Ngoại giao nước cử có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao Việt Nam việc nước cử tuyên bố từ bỏ quyền ưu đãi, miễn trừ của người đứng đầu cơ quan Đại diện ngoại giao, kể cả Đại biện lâm thời.

2. Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan Đại diện ngoại giao của nước cử có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao Việt Nam việc nước cử tuyên bố từ bỏ quyền ưu đãi, miễn trừ của các viên chức, nhân viên của cơ quan Đại diện ngoại

giao, của người đứng đầu hoặc tạm thời đứng đầu cơ quan Lãnh sự và các viên chức, nhân viên của cơ quan Lãnh sự nếu pháp luật của nước cử quy định như vậy.

3. Trong trường hợp nước cử chỉ có cơ quan Lãnh sự tại Việt Nam và có thỏa thuận trước với Việt Nam thì cơ quan Lãnh sự đó có thể thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao Việt Nam việc nước cử tuyên bố từ bỏ quyền ưu đãi, miễn trừ của các viên chức, nhân viên của cơ quan Lãnh sự.

Điều 7.-

1. Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự của nước cử có nghĩa vụ thông báo cho Bộ Ngoại giao Việt Nam thời điểm rời khỏi Việt Nam của các viên chức, nhân viên cơ quan sau khi họ kết thúc nhiệm vụ công tác.

2. Thời hạn để chuẩn bị rời khỏi Việt Nam quy định đối với thân nhân của viên chức hoặc nhân viên cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nói tại Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh là 30 ngày kể từ khi Bộ Ngoại giao Việt Nam nhận được thông báo chính thức của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự về việc viên chức hoặc nhân viên của họ chết.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Điều 8.-

1. Các Tổ chức Quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc nói tại Điều 39 của Pháp lệnh gồm có Liên hợp quốc, các cơ quan trực thuộc Liên hợp quốc, các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế.

2. Việt Nam áp dụng các quyền ưu đãi, miễn trừ đối với cơ quan Đại diện của các Tổ chức Quốc tế nói tại Khoản 1 Điều này, cũng như viên chức, nhân viên của cơ quan và thành viên gia đình cùng sống chung với họ thành một hộ và các viên chức, nhân viên của các Tổ chức Quốc tế đó đến thăm, làm việc ở Việt Nam hoặc quá cảnh

Việt Nam phù hợp với các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia và tập quán quốc tế được Việt Nam thừa nhận:

- Công ước năm 1946 về quyền ưu đãi, miễn trừ của Liên hợp quốc;

- Công ước năm 1947 về quyền ưu đãi, miễn trừ của các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc;

- Hiệp định năm 1959 về ưu đãi, miễn trừ của cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế;

- Các hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với mỗi tổ chức quốc tế cụ thể trong đó có quy định về những ưu đãi, miễn trừ.

Điều 9.- Những điều ước quốc tế áp dụng đối với các đối tượng nói tại Điều 40 của Pháp lệnh và các viên chức, nhân viên của các tổ chức đó đến thăm, làm việc ở Việt Nam hoặc quá cảnh Việt Nam bao gồm:

1. Hiến chương (hoặc điều lệ, hoặc quy chế, hoặc hiệp định thành lập) của mỗi tổ chức liên Chính phủ mà Việt Nam là một bên tham gia.

2. Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với mỗi tổ chức liên Chính phủ cụ thể trong đó có quy định về những ưu đãi, miễn trừ.

Điều 10.- Cơ quan đại diện của các tổ chức phi Chính phủ nói tại Điều 41 của Pháp lệnh, cũng như viên chức, nhân viên cơ quan và thành viên gia đình cùng sống chung với họ thành một hộ và các viên chức, nhân viên của các tổ chức đó đến thăm, làm việc ở Việt Nam hoặc quá cảnh Việt Nam được hưởng những ưu đãi, miễn trừ quy định trong các thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với mỗi tổ chức phi Chính phủ.

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ

Điều 11.- Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước như sau:

1. Chủ động đề xuất với Chính phủ việc đàm phán, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế